

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ VĂN THẠNG

## **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ VĂN THẠNG

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên              | Chức danh,<br>chức vụ                  | Nhiệm vụ              | Chữ ký |
|----|------------------------|----------------------------------------|-----------------------|--------|
| 1  | Lê Thị Kim Phượng      | Hiệu trưởng<br>Bí thư Chi bộ           | Chủ tịch hội đồng     |        |
| 2  | Lê Thị Tuyết Nhung     | Phó Hiệu trưởng                        | Phó Chủ tịch hội đồng |        |
| 3  | Nguyễn Hoàng Diễm Thúy | Phó Hiệu trưởng                        | Phó Chủ tịch hội đồng |        |
| 4  | Nguyễn Văn Bình        | Thủ quỹ                                | Ủy viên hội đồng      |        |
| 5  | Trần Thị Hồng Phượng   | Chủ tịch Công đoàn<br>Tổ trưởng khối 3 | Ủy viên hội đồng      |        |
| 6  | Lê Phước An            | Tổng phụ trách                         | Ủy viên hội đồng      |        |
| 7  | Đặng Thị Bé Hằng       | Bí thư Chi đoàn                        | Ủy viên hội đồng      |        |
| 8  | Thái Trần Tuyết Trinh  | Tổ trưởng khối 1                       | Ủy viên hội đồng      |        |
| 9  | Lê Thị Mỹ Hoa          | Tổ trưởng khối 2                       | Ủy viên hội đồng      |        |
| 10 | Võ Thị Thúy Hằng       | Tổ trưởng khối 4                       | Ủy viên hội đồng      |        |
| 11 | Trần Thị Mỹ Loan       | Tổ trưởng khối 5                       | Ủy viên hội đồng      |        |
| 12 | Trần Kim Oanh          | Tổ trưởng bộ môn                       | Ủy viên hội đồng      |        |
| 13 | Nguyễn Thị Ngọc Hân    | Tổ phó tổ bộ môn                       | Ủy viên hội đồng      |        |
| 14 | Nguyễn Thị Huân        | Tổ trưởng văn phòng                    | Ủy viên hội đồng      |        |
| 15 | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | Giáo viên                              | Thư ký hội đồng       |        |

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                       | Trang |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                                                        | 1     |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                              | 3     |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                   | 5     |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                    | 11    |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                           | 11    |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                          | 14    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                             | 14    |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.                      | 14    |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. | 16    |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.   | 18    |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.                     | 22    |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học.                                                     | 25    |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.                                        | 26    |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.                                          | 28    |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.                                                  | 30    |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.                                                 | 32    |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.                                    | 33    |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>                          | 37    |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.                                            | 37    |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.                                                               | 39    |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.                                                               | 42    |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.                                                                | 44    |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học</b>                                  | 47    |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập.                                                   | 47    |

|                                                                                                                  |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Tiêu chí 3.2: Phòng học.                                                                                         | 49 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị.                                    | 51 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.                                                              | 52 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị.                                                                                          | 54 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện.                                                                                          | 56 |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                                 | 59 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.                                                                      | 59 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân của nhà trường. | 61 |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>                                                      | 65 |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường.                                                                  | 65 |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.                                            | 67 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác.                                                             | 69 |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học.                                                                | 71 |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục.                                                                                  | 72 |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                                  | 75 |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                                                                                          | 01 |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|----------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                      | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                      |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.2         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.3         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.4         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.5         |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.6         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.7         |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.8         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.9         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.10        |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 2.2         |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 2.3         |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 2.4         |           | x     | x     | x     |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1         |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 3.2         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.3         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.4         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.5         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.6         |           | x     | x     | x     |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>  |           |       |       |       |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|----------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                      | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                      |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Tiêu chí 4.1         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 4.2         |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 5.1         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.2         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.3         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 5.4         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 5.5         |           | x     | x     |       |

**Kết quả:** đạt Mức 1

**2. Kết luận:** trường đạt Mức 1.

## Phần I

### CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Võ Văn Thặng.

Tên trước đây: Trường Phổ thông cấp 1,2 Nhị Bình.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

|                                |             |                              |                         |
|--------------------------------|-------------|------------------------------|-------------------------|
| Thành phố                      | Hồ Chí Minh | Họ và tên hiệu trưởng        | Lê Thị Kim Phụng        |
| Huyện                          | Hóc Môn     | Điện thoại                   | (028) 371210            |
| Xã                             | Nhị Bình    | Fax                          | Không                   |
| Đạt chuẩn quốc gia             | Có          | Website                      | thvovanthang.hcm.edu.vn |
| Năm thành lập                  | 1996        | Số điểm trường               | 01                      |
| Công lập                       | Có          | Loại hình khác               | Không                   |
| Tư thục                        | Không       | Thuộc vùng khó khăn          | Không                   |
| Trường chuyên biệt             | Không       | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không                   |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không       |                              |                         |

#### 1. Số lớp học

| Số lớp      | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|-------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Khối lớp 1  | 6                    | 8                    | 11                   | 10                   |                      |
| Khối lớp 2  | 5                    | 6                    | 7                    | 10                   |                      |
| Khối lớp 3  | 7                    | 5                    | 5                    | 7                    |                      |
| Khối lớp 4  | 5                    | 7                    | 5                    | 5                    |                      |
| Khối lớp 5  | 5                    | 5                    | 6                    | 4                    |                      |
| <b>Cộng</b> | <b>28</b>            | <b>31</b>            | <b>34</b>            | <b>36</b>            |                      |

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT         | Số liệu                                                         | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Ghi<br>chú |
|------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| <b>I</b>   | Phòng học,<br>phòng học<br>bộ môn và<br>khối phục<br>vụ học tập | <b>55</b>            | <b>55</b>            | <b>55</b>            | <b>55</b>            | <b>55</b>            |            |
| 1          | Phòng học                                                       | 46                   | 46                   | 46                   | 46                   | 46                   |            |
| a          | Phòng kiên<br>cố                                                | 46                   | 46                   | 46                   | 46                   | 46                   |            |
| b          | Phòng bán<br>kiên cố                                            |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| c          | Phòng tạm                                                       |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| 2          | Phòng học<br>bộ môn                                             | 7                    | 7                    | 7                    | 7                    | 7                    |            |
| a          | Phòng kiên<br>cố                                                | 7                    | 7                    | 7                    | 7                    | 7                    |            |
| b          | Phòng bán<br>kiên cố                                            |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| c          | Phòng tạm                                                       |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| 3          | Khối phục<br>vụ học tập                                         | 2                    | 2                    | 2                    | 2                    | 2                    |            |
| a          | Phòng kiên<br>cố                                                | 2                    | 2                    | 2                    | 2                    | 2                    |            |
| b          | Phòng bán<br>kiên cố                                            |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| c          | Phòng tạm                                                       |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| <b>II</b>  | Khối phòng<br>hành chính<br>- quản trị                          | <b>10</b>            | <b>10</b>            | <b>10</b>            | <b>10</b>            | <b>10</b>            |            |
| 1          | Phòng kiên<br>cố                                                | 10                   | 10                   | 10                   | 10                   | 10                   |            |
| 2          | Phòng bán<br>kiên cố                                            |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| 3          | Phòng tạm                                                       |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| <b>III</b> | Thư viện                                                        | <b>1</b>             | <b>1</b>             | <b>1</b>             | <b>1</b>             | <b>1</b>             |            |

| TT | Số liệu                                            | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Ghi<br>chú |
|----|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| IV | Các công<br>trình, khối<br>phòng chức<br>năng khác | 2                    | 2                    | 2                    | 2                    | 2                    |            |
|    | <b>Cộng</b>                                        | <b>68</b>            | <b>68</b>            | <b>68</b>            | <b>68</b>            | <b>68</b>            |            |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 10 năm 2022

|                        | Tổng<br>số | Nữ        | Dân<br>tộc | Trình độ đào tạo              |                      |                       | Ghi<br>chú |
|------------------------|------------|-----------|------------|-------------------------------|----------------------|-----------------------|------------|
|                        |            |           |            | <i>Chưa<br/>đạt<br/>chuẩn</i> | <i>Đạt<br/>chuẩn</i> | <i>Trên<br/>chuẩn</i> |            |
| <b>Hiệu trưởng</b>     | 01         | 01        | 0          | 0                             | 01                   | <b>0</b>              |            |
| <b>Phó hiệu trưởng</b> | 02         | 02        | 0          | 0                             | 02                   | <b>0</b>              |            |
| <b>Giáo viên</b>       | 53         | 49        | 0          | 05                            | 48                   | <b>0</b>              |            |
| <b>Nhân viên</b>       | 14         | 9         | 0          | 9                             | 5                    | <b>0</b>              |            |
| <b>Cộng</b>            | <b>70</b>  | <b>61</b> | <b>0</b>   | <b>14</b>                     | <b>56</b>            | <b>0</b>              |            |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| TT | Số liệu                                                      | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-<br>2022 |
|----|--------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1  | Tổng số giáo<br>viên                                         | 35                       | 41                       | 43                       | 41                       |                          |
| 2  | Tỷ lệ giáo<br>viên/lớp                                       | 1.25                     | 1.32                     | 1.26                     | 1.32                     |                          |
| 3  | Tỷ lệ giáo<br>viên/học sinh                                  | 0.03                     | 0.03                     | 0.02                     | 0.02                     |                          |
| 4  | Tổng số giáo<br>viên dạy giỏi<br>cấp huyện và<br>tương đương | 1                        | 1                        | 1                        | 0                        |                          |

| TT | Số liệu                                     | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-<br>2022 |
|----|---------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 5  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        |                          |
| 6  | Các số liệu khác                            |                          |                          |                          |                          |                          |

#### 4. Học sinh

##### a) Số liệu chung

| TT | Số liệu                                 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|----|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1  | Tổng số học sinh                        | 1104                 | 1246                 | 1548                 | 1652                 |                      |
|    | - Nữ                                    | 521                  | 610                  | 753                  | 809                  |                      |
|    | - Dân tộc                               | 13                   | 11                   | 21                   | 33                   |                      |
|    | - Khối lớp 1                            | 220                  | 332                  | 504                  | 416                  |                      |
|    | - Khối lớp 2                            | 198                  | 218                  | 327                  | 471                  |                      |
|    | - Khối lớp 3                            | 265                  | 201                  | 239                  | 316                  |                      |
|    | - Khối lớp 4                            | 220                  | 270                  | 204                  | 244                  |                      |
|    | - Khối lớp 5                            | 201                  | 225                  | 274                  | 205                  |                      |
| 2  | Tổng số tuyển mới                       | 218                  | 324                  | 493                  | 414                  |                      |
| 3  | Học buổi/ngày <sup>2</sup>              | 1104                 | 1246                 | 1548                 | 1652                 |                      |
| 4  | Bán trú                                 | 868                  | 906                  | 1341                 | 1348                 |                      |
| 5  | Nội trú                                 |                      |                      |                      |                      |                      |
| 6  | Bình quân số học sinh/lớp học           | 40                   | 40                   | 46                   | 46                   |                      |
| 7  | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 1046<br>95%          | 1181<br>95%          | 1462<br>95%          | 1581<br>96%          |                      |
|    | - Nữ                                    | 501<br>96%           | 580<br>95%           | 708<br>95%           | 769<br>95%           |                      |

| TT | Số liệu                                     | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|----|---------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|    | - Dân tộc                                   | 13<br>2.59%          | 11<br>1.90%          | 21<br>2.97%          | 33<br>4.29%          |                      |
| 8  | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh        | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |                      |
| 9  | Tổng số học sinh giỏi quốc gia              | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |                      |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 3                    | 7                    | 5                    | 11                   |                      |
|    | - Nữ                                        | 1                    | 4                    | 1                    | 6                    |                      |
|    | - Dân tộc                                   |                      | 1                    | 1                    | 0                    |                      |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt      | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |                      |
| 12 | Khuyết tật                                  | 3                    | 7                    | 5                    | 6                    |                      |
| 13 | Lưu ban                                     |                      |                      |                      |                      |                      |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

| Số liệu                                                           | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2020-2021 | Ghi<br>chú |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|------------|
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100%                     | 100%                     | 100%                     | 100%                 | 100%                 |            |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học                    | 98.73%                   | 98.39%                   | 98.15%                   | 97.82%               |                      |            |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành                                 | 100%                     | 100%                     | 100%                     | 100%                 | 100%                 |            |

|                                                           |      |      |      |      |      |  |
|-----------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|--|
| chương trình tiểu học                                     |      |      |      |      |      |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |

**5. Các số liệu khác (nếu có):** Không có.

## Phần II.

### TỰ ĐÁNH GIÁ

#### A. ĐẶT VẤN ĐỀ

##### 1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 1996 của UBND Huyện Hóc Môn và là đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Trường tọa lạc tại số 170 Bùi Công Trừng, ấp 4, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Huyện ủy – Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Trường Tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn hoạt động dưới sự quản lý của Đảng ủy xã Nhị Bình. Các đồng chí đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Học sinh có ý thức phấn đấu trong học tập và tham gia tích cực các phong trào.

Nhờ sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, Trường Tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn được khởi công xây dựng trên nền đất cũ vào ngày 24 tháng 6 năm 2013 theo Quyết định số 6513/QĐ-UBND của UBND Huyện Hóc Môn và hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 5 tháng 9 năm 2015. Khuôn viên trường khang trang, thoáng mát với tổng diện tích 10815 m<sup>2</sup> gồm một trệt và ba lầu; cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Bên cạnh đó, nhà trường luôn phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục tại đơn vị. Các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi mặt, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục học sinh, chi hội khuyến học của nhà trường hoạt động có hiệu quả.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Trường Tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc năm học

2017-2018 đến nay, Công đoàn đạt Vững mạnh, Chi đoàn đạt Vững mạnh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được xếp loại Liên đội Mạnh nhiều năm liên tục. Trường có giáo viên được công nhận danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện và giáo viên viết chữ đẹp cấp huyện.

Học sinh có ý thức phấn đấu học tập tốt và tham gia tích cực các hoạt động phong trào; có học sinh đạt giải trong các hội thi cấp huyện, cấp thành phố, cấp quốc gia. Đa số giáo viên của trường đều có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn; yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi, tìm tòi và vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh.

### **Mục tiêu, sứ mạng của nhà trường**

Trường Tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn luôn hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực để mỗi học sinh được phát huy hết khả năng của mình. Sứ mạng của nhà trường là phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, tiếp cận với các mô hình giáo dục hiện đại, tạo uy tín với nhân dân về chất lượng giáo dục.

### **2. Mục đích tự đánh giá**

Mục đích của tự đánh giá là nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục phổ thông, để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng giáo dục của nhà trường; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

Thông qua kiểm định chất lượng giúp nhà trường nhìn rõ được chất lượng đào tạo của mình để có định hướng cải tiến và nâng cao hiệu quả giáo dục cũng như định hướng phát triển cho trường. Qua đó, cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trường Tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học nhằm phân tích đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của nhà trường để đưa ra kế hoạch khắc phục điểm yếu.

Với mục đích và nhận thức đó, Trường Tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn đã triển khai, phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, các cá nhân phối hợp thực hiện. Các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục được triển khai thực hiện trong toàn thể hội đồng nhà trường.

### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng Giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Các văn bản hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng gồm:

- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

- Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Quyết định số 169/QĐ-VVT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Trường Tiểu học Võ Văn Thặng về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá của trường gồm 15 thành viên.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:** Trường Tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng: Hội đồng trường, Hội đồng Tư vấn, Hội đồng Thi đua khen

thường. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các đoàn thể trong trường gồm: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng hoạt động đúng vai trò và chức năng của mình. Các tổ chức và bộ phận hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của hiệu trưởng. Cán bộ quản lý và các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp chặt chẽ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có nề nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

Trường có 48 lớp học bán trú và 02 buổi/ngày. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lí. Trường có giáo viên dạy bộ môn như thể dục, âm nhạc, ngoại ngữ và tin học.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

*Mức 2:*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

*Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản*

trị đối với trường tư thực), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Từ năm 2016 đến nay, trường đã xây dựng chiến lược phát triển ở hai giai đoạn: giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025. Mục tiêu của việc xây dựng chiến lược nhằm từng bước nâng cao chất lượng, uy tín trong giảng dạy của trường đáp ứng xu thế hội nhập của đất nước; chú trọng phát triển toàn diện học sinh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc [H1-1.1-01].

b) Chiến lược phát triển nhà trường được thể hiện trong bản kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020 và được sự phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển nhà trường đã được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường, nội dung chiến lược phát triển nhà trường được công khai trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.1-01].

Mức 2:

Để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, nhà trường đã đề ra các biện pháp giám sát việc thực hiện; đồng thời có sự phân công nhiệm vụ cho các bộ phận chuyên môn, cá nhân; Chi bộ Đảng, Công đoàn và Chi đoàn cùng nhà trường tham gia giám sát việc thực hiện [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04]; [H2-2.3-01].

Mức 3:

Nhà trường có thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, công tác này chưa được nhà trường thực hiện thường xuyên [H1-1.1-02].

### **2. Điểm mạnh**

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát

triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

### **3. Điểm yếu**

Trường chưa thực hiện thường xuyên việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch định kỳ, phối hợp tốt với các lực lượng giáo dục bên trong và ngoài trường thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chiến lược phát triển trên cơ sở tham mưu, đề xuất với Hội đồng trường.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

*Mức 1:*

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kì 2021-2025 được thành lập theo Quyết định số 1077/QĐ-GDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn; Hội đồng trường gồm có 11 thành viên gồm: cán bộ quản lý, các tổ trưởng chuyên môn, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Ủy ban Nhân dân xã Nhị Bình [H1-1.2-01].

Ngoài ra, hiệu trưởng còn thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng và các hội đồng khác như: Hội đồng tư vấn; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng khoa

học; Hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi,... để giúp việc trong các công tác có liên quan [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường trong các năm học qua hoạt động hiệu quả, thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Điều lệ trường tiểu học, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; các hội đồng khác thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc tham mưu, đề xuất cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan theo quy định tại Điều 12 Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-04].

c) Trong các buổi họp, thành viên của Hội đồng trường và các hội đồng khác đều thực hiện việc đánh giá, rút kinh nghiệm những việc đã làm; đồng thời, thảo luận, bàn bạc và thông qua các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ; ý kiến của các thành viên đã có những đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường; tuy nhiên, vẫn còn thành viên thụ động, chưa mạnh dạn phát biểu nên ý kiến đóng góp chưa sâu [H1-1.2-04].

#### Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được đánh giá có hiệu quả [H1-1.2-04]. Các nội dung có liên quan đều được đưa ra hội đồng thảo luận, bàn bạc và thông qua, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch. Qua đó, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần đưa chất lượng giáo dục chung của trường được nâng cao.

### **2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

### **3. Điểm yếu**

Trong Hội đồng trường còn thành viên thụ động, chưa mạnh dạn trong việc đưa ra ý kiến đóng góp trong cuộc họp.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Vào đầu mỗi năm học, Chủ tịch Hội đồng thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Hội đồng trường và các hội đồng khác.

Trong các buổi họp, chủ tọa gợi ý nội dung cần thảo luận, tạo không khí dân chủ, vui vẻ để khuyến khích các thành viên của Hội đồng trường mạnh dạn phát biểu, đề xuất ý kiến của mình.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

*Mức 1:*

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

*Mức 2:*

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

*Mức 3:*

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Các đoàn thể trong nhà trường gồm có: Công đoàn cơ sở của trường có 70 công đoàn viên tham gia sinh hoạt; Ban chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 3 đồng chí theo Quyết định số 158/QĐ-LĐLĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn. [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường có 15 đoàn viên tham gia sinh

hoạt [H1-1.3-02]. Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 552 đội viên [H1-1.3-04]; Sao Nhi đồng có 108 sao [H1-1.3-03]. Chi hội Khuyến học Trường Tiểu học Võ Văn Thặng được Hội khuyến học xã Nhị Bình công nhận với tổng số 70 hội viên [H1-1.3-05].

b) Các tổ chức đoàn thể thực hiện việc sinh hoạt, hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ; tham gia cùng chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại trường; các tổ chức đoàn thể tích cực tổ chức các hoạt động, phong trào nhằm thu hút đông đảo giáo viên, học sinh tham gia; đa số đoàn viên tích cực tham gia các phong trào do trường, cấp trên phát động; thực hiện Đoàn vụ, Đoàn tịch đầy đủ; thực hiện Đại hội đoàn viên đúng quy định [H1-1.3-06]; thực hiện tốt các công trình thanh niên tháng 10 và công trình thanh niên năm (Quy hoạch và chăm sóc vườn thuốc Nam) [H1-1.3-07]; hỗ trợ Liên đội tham gia tốt các hội thi [H1-1.3-08].

c) Hằng năm, Chi bộ trường tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị; đồng thời, triển khai các nội dung, nhiệm vụ trong năm tới trên cơ sở các hướng dẫn của tổ chức cấp trên và tình hình thực tế tại đơn vị; công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai các nội dung, nhiệm vụ mới của các tổ chức đoàn thể được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của tổ chức đoàn thể cấp trên [H1-1.3-09].

#### Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Võ Văn Thặng được thành lập theo Quyết định số 26/QĐ-ĐU ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Đảng ủy xã Nhị Bình. Số đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ là 22 đồng chí, chiếm tỷ lệ 55,38% trên tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.3-10].

Chi bộ trường thực hiện việc sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng theo Điều lệ Đảng; Chi bộ luôn thực hiện tốt nhiệm vụ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; đồng thời, thực hiện công tác chỉ đạo, định hướng các hoạt động của chính quyền và các tổ chức đoàn thể theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của ngành và của địa phương [H1-1.3-11].

Chi bộ thường xuyên sinh hoạt, quán triệt tới đội ngũ và Đảng viên nhận thức sâu rộng và đúng đắn về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; triển khai tới các đảng viên, các cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; quán triệt kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW4 một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng ta hiện nay; tiếp tục triển khai phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” [H1-1.3-11].

Từ năm 2016 đến nay, Chi bộ Trường Tiểu học Võ Văn Thặng luôn được Đảng ủy xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-12].

b) Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn tổ chức như hội thi văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân [H1-1.3-13], đóng góp các loại quỹ xã hội, tổ chức hoạt động ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 và các dịp lễ, Tết [H1-1.3-06].

Công đoàn phối hợp với chính quyền tổ chức tốt các phong trào thi đua, động viên, khen thưởng kịp thời đoàn viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động chuyên môn và hoạt động công đoàn [H1-1.3-13]; thăm hỏi kịp thời đoàn viên và người thân bị ốm đau đột xuất, thực hiện tốt công tác giám sát, bảo vệ quyền lợi của người lao động; Ban nữ công đã xây dựng kế hoạch và tham gia các cuộc thi do Liên đoàn Lao động huyện tổ chức [H1-1.3-06].

Chi đoàn giáo viên và Liên đội trường cũng đã có nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh như ngày Hội nuôi heo đất, An toàn giao thông, phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào về nguồn,... [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Tổng phụ trách đã tổ chức tốt hoạt động thi đua Liên đội, tích cực tham gia các hoạt động, phong trào thi đua do cấp trên phát động, trong đó nổi bật là tham gia các cuộc thi: hội thi văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân, tham dự hội thi vẽ tranh sân chơi Ý tưởng trẻ thơ, Chiếc ô tô mơ ước, Nét vẽ xanh, thi vẽ tranh trực tuyến Bác Hồ với thiếu nhi, thi trắc nghiệm An toàn giao thông Nụ

cười cho trẻ thơ, làm tốt phong trào nuôi heo đất khuyến học, giúp bạn nghèo đến trường, giúp bạn nghèo vui Tết,...[H1-1.3-08].

Mức 3:

a) Trong những năm qua, Chi bộ không những đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà còn đạt được danh hiệu “Chi bộ trong sạch vững mạnh” vào các năm 2016 và 2017, Hoàn thành tốt nhiệm vụ vào năm 2018, 2019, 2020, 2021 [H1-1.3-12].

b) Hằng năm, các đoàn thể (Công đoàn, Chi đoàn, Liên Đội) đã đóng góp các loại quỹ xã hội, giúp học sinh nghèo đến trường, giúp bạn nghèo vui Tết,... tổ chức tốt các phong trào thi đua, động viên, khen thưởng kịp thời đoàn viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động chuyên môn và hoạt động công đoàn [H1-1.3-14].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có Chi bộ Đảng, các tổ chức đoàn thể và chi hội Khuyến học trong trường phối hợp cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; phát huy được sức mạnh của tập thể và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của trường.

Chi bộ duy trì được nề nếp sinh hoạt, có nội dung sinh hoạt thiết thực, sinh hoạt có chất lượng tốt, thực hiện lồng ghép sinh hoạt chuyên đề việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức.

Chi đoàn, Liên đội thực hiện tốt nhiệm vụ của cấp trên giao cho, tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào.

## **3. Điểm yếu**

Đoàn viên tích cực tham gia các buổi sinh hoạt Đoàn ở trường. Tuy nhiên, các hoạt động tổ chức ở địa phương vào chiều tối chưa tham gia đủ 100%.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tới, Bí thư Chi đoàn bám sát kế hoạch hoạt động của xã đoàn, phân công nhiệm vụ cụ thể phù hợp với hoàn cảnh của từng cá nhân để đoàn viên tham gia đầy đủ; có hình thức khen thưởng, khuyến khích kịp thời để động viên.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

#### ***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

##### *Mức 1:*

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

##### *Mức 2:*

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

##### *Mức 3:*

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

##### **Mức 1:**

- a) Trường Tiểu học Võ Văn Thặng có quy mô 38 lớp nên hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng do Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn bổ nhiệm thực hiện chức năng tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Trường tiểu học và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn

danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.4-01].

b) Trường có 07 tổ chuyên môn (từ tổ khối 1 đến tổ khối 5, 1 tổ bộ môn, tổ tiếng Anh) và tổ văn phòng. Mỗi tổ đều có tổ trưởng [H1-1.4-02]. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.

c) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện sinh hoạt định kỳ 02 tuần/lần đầy đủ theo quy định [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy, giáo dục; các tổ chuyên môn đã đề ra và thực hiện tốt các chuyên đề chuyên môn của tổ trong mỗi năm học [H1-1.4-12].

b) Hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; có thực hiện việc đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện nhiệm vụ để từ đó tiếp tục triển khai những nhiệm vụ tiếp theo [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Cán bộ quản lý có sự phân công nhân sự tham dự các buổi sinh hoạt chuyên môn của các tổ chuyên môn, nắm bắt thông tin để kịp thời định hướng, chỉ đạo các hoạt động của các tổ chuyên môn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã có những hoạt động hiệu quả, góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục của trường [H1-1.1-04];[H1-1.4-05]. Nội dung trong buổi sinh hoạt chuyên môn còn nghiêng về giải quyết sự vụ, hành chính; ý kiến đóng góp giải quyết tình huống trong giảng dạy còn hạn chế.

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được tổ chức giữa học kì 1 và giữa học kì 2 [H1-1.1-06].

## **2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định. Các tổ hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ theo quy định.

### 3. Điểm yếu

Nội dung trong buổi sinh hoạt chuyên môn còn nghiêng về giải quyết sự vụ, hành chính; ý kiến đóng góp giải quyết tình huống trong giảng dạy còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, hiệu trưởng chỉ đạo cho phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia các buổi sinh hoạt chuyên môn, hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học; kịp thời nắm bắt thông tin, nhu cầu của giáo viên, các vướng mắc về chuyên môn để có biện pháp đáp ứng và giải đáp kịp thời; các tổ trưởng chuyên môn chủ động đưa ra tiết dạy chuyên đề bàn bạc thảo luận giúp giáo viên định hướng được các phương pháp giảng dạy phù hợp.

### 5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

#### *Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học*

##### *Mức 1:*

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

##### *Mức 2:*

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

### 1. Mô tả hiện trạng

##### Mức 1:

- a) Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 theo quy định [H1-1.5-01].

- b) Mỗi lớp học đều có lớp trưởng và 02 lớp phó, lớp được chia thành các tổ học sinh, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó; các lớp học được tổ chức theo đúng quy định [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

c) Lớp học được hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ; Ban cán sự lớp được luân phiên thay đổi ít nhất 2 lần/năm học thúc đẩy hoạt động học tập và phong trào của lớp đạt hiệu quả cao [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

Mức 2:

a) Năm học 2022-2023, trường có 39 lớp: khối 1 có 9 lớp, khối 2 có 7 lớp, khối 3 có 8 lớp, khối 4 có 09 lớp và khối 5 có 06 lớp. Tất cả các lớp đều học bán trú và 2 buổi/ngày [H1-1.5-02].

b) Tổng số học sinh là 1847 em, sĩ số bình quân của mỗi lớp là 47,35 học sinh, vượt quá so với quy định là 35 học sinh/lớp theo Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01].

c) Trường có chú ý việc tổ chức các lớp học với số lượng học sinh đồng đều nhau nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp khi tổ chức các hoạt động của trường [H1-1.5-01].

## **2. Điểm mạnh**

Từ năm học 2017 -2018 đến năm học 2022-2023 học sinh các khối lớp được học 2 buổi/ngày, số lượng học sinh giữa các lớp đồng đều nhau đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp khi tổ chức các hoạt động của trường.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học (bình quân 47,35 học sinh/lớp).

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt công tác tham mưu với lãnh đạo địa phương trong việc phân tuyến học sinh lớp 1 để đảm bảo sĩ số học sinh trên lớp theo quy định.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

*Mức 1:*

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy

*định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

*Mức 2:*

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

*Mức 3:*

*Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

*a) Trường thực hiện tốt các loại hồ sơ, sổ sách nhằm phục vụ cho hoạt động giáo dục như sổ đăng bộ [H1-1.6-01]; sổ phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1.6-02]; sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh [H1-1.5-01]; lưu trữ đầy đủ học bạ của học sinh [H1-1.6-03]; sổ nghị quyết và kế hoạch công tác, phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-05]; hồ sơ khen thưởng [H1-1.6-06]; sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-07]; sổ công văn đến [H1-1.6-08]; sổ công văn đi [H1-1.6-09]; 95% các loại hồ sơ được cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ, chính xác.*

*b) Trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất đúng theo quy định; bên cạnh đó, trường thực hiện việc công khai và thường xuyên tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.4-09]. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường luôn được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].*

*c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính và tài sản được trường thực hiện*

theo đúng quy định, đúng mục đích nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục tại trường; quan tâm đến công tác tu bổ, mua sắm các trang thiết bị và cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động giáo dục [H1-1.6-12].

Mức 2:

a) Công tác ứng dụng công nghệ thông tin được nhà trường triển khai và thực hiện trong công tác quản lý; nhà trường thường xuyên cập nhật nội dung trên trang thông tin điện tử; sử dụng phần mềm IMAS của kế toán; phần mềm quản lý nhân sự trực tuyến EPMIS, phần mềm VPN quản lý nhân sự của Sở Nội vụ; hệ thống thông tin quản lý giáo dục Quảng Ích theo dõi, đánh giá học sinh [H1-1.6-13].

b) Từ năm học 2017-2018 đến nay, nhà trường không có trường hợp vi phạm nào xảy ra liên quan đến công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.4-11].

Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt các công tác quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản theo đúng quy định; không có trường hợp nào vi phạm từ năm học 2017-2018 đến nay.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin được trường triển khai và thực hiện có hiệu quả.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa có kế hoạch để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

***Mức 1:***

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

***Mức 2:***

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01].

b) Trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hợp lý, rõ ràng [H1-1.7-02]; việc phân công nhiệm vụ được thực hiện và công bố công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm và trong năm học [H1-1.6-04]; nguyên tắc phân công dựa trên cơ sở năng lực, bằng cấp của từng cá nhân nhờ vậy nhận được sự đồng tình cao của hội đồng sư phạm và đảm bảo được hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-01].

c) Trường đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo đúng quy định tại Điều 29 Điều lệ trường tiểu học và các quy định của luật lao động; luật công chức, viên chức; được hưởng lương và các chế độ đúng theo mã chức danh nghề nghiệp và bậc của từng người trong bảng lương [H1-1.6-11].

**Mức 2:**

Để phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; nhà trường chú ý đến việc phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực của từng cá nhân; đồng thời, nhà trường hướng dẫn, góp ý giáo viên trong quản lý lớp học tại các buổi họp của nhà trường, họp tổ chuyên môn; thực hiện các chuyên đề dạy học và tạo điều kiện cho cá nhân thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường; bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ để có biện pháp điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp [H1-1.6-04]; [H1-1.6-11].

## **2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: Phân công hợp lý; tạo điều kiện cho việc học tập, bồi dưỡng; đảm bảo các quyền theo đúng quy định; thường xuyên thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ để đề ra các biện pháp điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp.

## **3. Điểm yếu**

Trường còn một vài giáo viên chưa tham gia lớp bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, phấn đấu đến cuối năm học 2022-2023 có trên 60% giáo viên hoàn thành lớp Bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

#### ***Mức 1:***

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

#### ***Mức 2:***

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường xây dựng kế hoạch giáo dục, quản lý các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với quy định hiện hành; các kế hoạch được xây dựng dựa trên các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và điều kiện thực tế, kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước của nhà trường; kế hoạch giáo dục là định hướng cho mọi hoạt động giáo dục của nhà trường trong suốt năm học [H1-1.1-02].

b) Trường có thực hiện kế hoạch giáo dục hàng năm, quản lý tốt các hoạt động giáo dục, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cá nhân, bộ phận trong phiên họp đầu năm; Đồng thời, trường thực hiện đánh giá từng hoạt động qua báo cáo sơ kết học kì I và báo cáo tổng kết hàng năm [H1-1.8-02]; [H1-1.1-03].

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm trong các buổi họp hội đồng sư phạm hàng tháng; tuy nhiên, việc điều chỉnh đôi lúc chưa kịp thời, chưa thể hiện rõ nội dung đã điều chỉnh [H1-1.6-04]. Thông qua kiểm tra nội bộ, nhà trường cũng đã đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục của từng cá nhân, bộ phận [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

Mức 2:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhà trường đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá, khen thưởng như:

- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc nhiều năm liên tục (từ năm học 2017-2018 đến nay) [H1-1.8-05].

### **2. Điểm mạnh**

Trường xây dựng tốt kế hoạch giáo dục. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá trong kế hoạch giáo dục phù hợp và đạt hiệu quả cao.

### **3. Điểm yếu**

Việc điều chỉnh nội dung kế hoạch chưa thể hiện rõ các nội dung đã điều chỉnh.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch theo hướng dẫn của cấp trên và tình hình thực tế tại trường; xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ trường. Thực hiện tốt và thường xuyên hơn nữa việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ để kịp thời điều chỉnh; đồng thời, thể hiện rõ nội dung điều chỉnh trong văn bản.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

##### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

##### ***Mức 1:***

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

##### ***Mức 2:***

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

##### **Mức 1:**

a) Trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện cho từng cá nhân trong hội đồng nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Thực hiện công khai đầy đủ: chiến lược phát triển nhà trường, tổng kết thi đua, tiêu chí thi đua, tài chính nhà trường,...trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và các cuộc họp Hội đồng sư phạm [H1-1.6-10].

Tuy nhiên, số lượng ý kiến chưa nhiều và chưa tập trung vào nhiệm vụ phát triển của nhà trường.

b) Trong thời gian qua, các ý kiến và kiến nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đều được đưa ra thảo luận công khai, minh bạch trước toàn trường; do đó, nhà trường không có trường hợp đơn thư khiếu nại, tố cáo xảy ra [H1-1.6-04]; [H1-1.6-11].

c) Hằng năm, nhà trường báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ, kịp thời [H1-1.1-03]; [H1-1.6-10].

#### Mức 2:

Để thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, nhà trường đã đề ra và thực hiện các biện pháp giám sát, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả; tất cả nội dung đều được đưa ra Hội đồng sư phạm trường thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-04]; [H1-1.6-11].

### **2. Điểm mạnh**

Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hàng năm, hiệu trưởng thực hiện công khai đầy đủ: kế hoạch năm học, công tác thi đua-khen thưởng, tiêu chí thi đua, tài chính nhà trường,...tất cả nội dung đều được đưa ra thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

### **3. Điểm yếu**

Số lượng ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức chưa nhiều và chưa tập trung vào nhiệm vụ phát triển của nhà trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng thực hiện đánh giá, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quy chế dân chủ cơ sở. Ban Chấp hành công đoàn cơ sở tạo điều kiện, khuyến khích, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên đóng góp ý kiến vào nhiệm vụ phát triển của nhà trường như trực tiếp lắng nghe, tiếp nhận đơn.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

#### ***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

#### *Mức 1:*

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

*Mức 2:*

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Trong những năm học qua, nhà trường đều xây dựng các phương án theo quy định như phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-01]; phương án xây dựng trường học an toàn, phương án phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-02]; kế hoạch tổ chức thực hiện công tác đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học [H1-1.10-03]; phương án phòng tránh các hiểm họa thiên tai [H1-1.1-04]; kế hoạch phòng chống bạo lực học đường [H1-1.10-05].

b) Trường có hộp thư góp ý đặt ở cổng trường, công khai số điện thoại của cán bộ quản lý đến phụ huynh, công khai lịch tiếp dân để kịp thời tiếp nhận, xử lý các thắc mắc của người dân; trường cũng luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương; phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-06]. Tuy nhiên, trường vẫn còn tình trạng buôn bán hàng rong trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra về.

c) Nhà trường thường xuyên giáo dục lối sống đạo đức cho học sinh, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong trường [H1-1.1-02].

#### Mức 2:

a) Trường quan tâm việc xây dựng và triển khai các kế hoạch nhằm phổ biến, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh những nội dung cần thiết về an ninh trật tự [H1-1.10-02]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-03]; phòng chống tai nạn, thương tích, bạo lực học đường [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Cán bộ quản lý thực hiện tốt công tác lãnh đạo, thường xuyên kiểm tra nhằm thu thập, đánh giá để đề ra các biện pháp xử lý những vấn đề có liên quan, nhất là các vấn đề về bạo lực học đường, an ninh trật tự, ...đồng thời, nhà trường có cơ chế phối hợp chặt chẽ với công an địa phương và các lực lượng giáo dục ngoài trường để kịp thời nắm bắt thông tin và đề ra biện pháp xử lý [H1-1.10-06].

### **2. Điểm mạnh**

Trường có xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

### **3. Điểm yếu**

Vẫn còn tình trạng buôn bán hàng rong trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra về.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, nhắc nhở những hộ dân không tập trung buôn bán hàng rong trước cổng trường tránh ùn tắc giao thông.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

##### **Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

##### **- Điểm mạnh nổi bật:**

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể khác đã phối hợp tốt cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Trường thực hiện tốt các công tác quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản theo đúng quy định; công tác ứng dụng công nghệ thông tin được trường triển khai và thực hiện; thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị.

Trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: Phân công hợp lý; tạo điều kiện cho việc học tập, bồi dưỡng; đảm bảo các quyền theo đúng quy định; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trường xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của trường; có thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện.

##### **- Điểm yếu cơ bản:**

Chiến lược phát triển nhà trường chưa được công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử nhà trường và chưa được thực hiện thường xuyên việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung.

Nội dung trong buổi sinh hoạt chuyên môn còn nghiêng về giải quyết sự vụ, hành chính; ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức trong các buổi họp chưa nhiều và chưa tập trung vào nhiệm vụ phát triển của nhà trường.

Trường còn một vài giáo viên chưa tham gia lớp bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm.

Tất cả các lớp đều có số học sinh vượt 35 học sinh/lớp.

- **Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10**

- **Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10**

### **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:** Trường Tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn luôn xác định nhà trường vững mạnh, cần phải có cán bộ quản lý đủ sức khỏe, phẩm chất, năng lực; đội ngũ giáo viên đầy đủ theo quy định, có trình độ sư phạm, được phân công giảng dạy đúng chuyên môn, tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cùng với đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định. Cán bộ quản lý nhà trường có quan điểm lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ quản lý qua trường lớp, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc, tâm huyết với nghề và yêu thương học sinh. Cán bộ quản lý nhà trường luôn đoàn kết và thống nhất cao.

Đội ngũ giáo viên nhà trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, gắn bó với nghề, hết lòng vì học sinh và sự nghiệp giáo dục của nhà trường. Đội ngũ nhân viên nhà trường có đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, có ý thức làm việc nghiêm túc.

Học sinh của nhà trường đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và của pháp luật. Hầu hết các em đều chăm ngoan, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh và có ý thức thực hiện theo 5 điều Bác Hồ dạy.

#### ***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

*Mức 1:*

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

*Mức 2:*

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

*Mức 3:*

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định: hiệu trưởng giảng dạy 24 năm, phó hiệu trưởng 1 giảng dạy 23 năm, phó hiệu trưởng 2 giảng dạy 27 năm và có đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ theo quy định [H2-2.1-04].

b) Trong những năm học qua, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá đạt từ Khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học và Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-04]. Tuy nhiên, kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng còn hạn chế.

*Mức 2:*

a) Năm học 2017-2018, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt xuất sắc; riêng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 thực hiện đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự đánh giá xếp loại Khá [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

b) Hiệu trưởng có trình độ lý luận chính trị cao cấp, các phó hiệu trưởng đã tham gia và hoàn thành lớp bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị và hành chính nhà nước [H2-2.1-04]. Đồng thời, đội ngũ cán bộ quản lý luôn nhận được sự tin tưởng, tín nhiệm cao từ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường [H2-2.1-03].

Mức 3:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt xuất sắc năm học 2017-2018; riêng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 thực hiện đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự đánh giá xếp loại khá [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đảm bảo yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị theo quy định; đáp ứng tốt cho việc thực hiện nhiệm vụ và luôn nhận được sự tín nhiệm cao từ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

## **3. Điểm yếu**

Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng phấn đấu đạt mức đánh giá tốt. Cán bộ quản lý phát huy tối đa năng lực, tinh thần trách nhiệm của cá nhân qua việc phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp; tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, lãnh đạo. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tự túc tham gia lớp học ngoại ngữ để nâng cao trình độ giao tiếp.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

*Mức 1:*

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

*Mức 2:*

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

*Mức 3:*

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Trường có 39 lớp học 2 buổi/ngày đạt tỉ lệ 100%; tổng số giáo viên là 48 người gồm 36 giáo viên chủ nhiệm; 07 giáo viên bộ môn (02 giáo viên thể dục, 07 giáo viên ngoại ngữ, 02 giáo viên dạy tin học, 01 giáo viên dạy nhạc,

01 giáo viên dạy mỹ thuật); số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,33 [H1-1.8-01]; [H2-2.2-01]; trường có 01 giáo viên kiêm nhiệm công tác Tổng phụ trách Đội [H2-2.2-02].

b) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục năm 2005 nhưng theo quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019) nhà trường chỉ có 85,41% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo ở mức đạt trở lên [H2-2.2-01].

c) Giáo viên của trường nghiêm túc thực hiện theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên; trong những năm học qua, 100% giáo viên đều được đánh giá từ mức Khá trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Số lượng giáo viên đạt trình độ trên chuẩn là 48/48 người, đạt tỷ lệ 100% theo quy định tại Luật Giáo dục năm 2005 nhưng theo quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019) nhà trường có 41/48 giáo viên, đạt tỷ lệ 85,41% [H2-2.2-03].

b) 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ mức Khá trở lên [H2-2.2-04].

|            | <b>Năm học 2017-2018</b> | <b>Năm học 2018-2019</b> | <b>Năm học 2019-2020</b> |
|------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Xuất sắc   | 06                       | 02                       | 0                        |
| Khá        | 21                       | 21                       | 27                       |
| Trung bình | 0                        | 01                       | 0                        |

|     | <b>Năm học 2020-2021</b> | <b>Năm học 2021-2022</b> |
|-----|--------------------------|--------------------------|
| Tốt | 1                        |                          |
| Khá | 39                       |                          |
| Đạt | 1                        |                          |

c) Đội ngũ giáo viên của trường luôn có ý thức tổ chức kỷ luật tốt. Từ đó, dẫn đến kết quả không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật trong những năm học qua [H1-1.1-03]; [H1-1.3-06].

Mức 3:

a) Từ những biện pháp nhà trường đã thực hiện, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo là 100% [H2-2.2-03].

b) Trong những năm học qua, trường luôn đạt kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên với tỷ lệ 100% từ mức Đạt trở lên, trong đó có ít nhất 100% đạt từ mức Khá trở lên [H2-2.2-04].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đội ngũ giáo viên được phân công đúng chuyên môn; 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên. Giáo viên tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn của ngành, có tinh thần học hỏi, đổi mới phương pháp để nâng cao chất lượng dạy và học.

## **3. Điểm yếu**

Giáo viên dạy nhiều môn được phân công giảng dạy mỹ thuật nên chất lượng giảng dạy môn học trên chưa đạt hiệu quả cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn thực hiện tuyển dụng giáo viên, đảm bảo theo quy định Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sắp xếp, bố trí lại nhân sự đúng chuyên ngành.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

*Mức 1:*

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

*Mức 2:*

- a) *Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

- a) *Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) *Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đội ngũ nhân viên của trường được hiệu trưởng phân công để đảm nhiệm các nhiệm vụ có liên quan; tổ văn phòng của trường có 14 người gồm 01 chuyên trách thư viện và phụ trách thiết bị, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên công nghệ thông tin, 01 nhân viên phụ trách y tế, 01 nhân viên phụ trách thủ quỹ, 04 bảo vệ và 05 phục vụ; trong đó chỉ có 05 người thuộc định biên, 07 người hợp đồng 161, số còn lại trường hợp đồng khoán; bên cạnh đó, hiệu trưởng còn phân công giáo viên và nhân viên kiêm nhiệm công tác khác để đảm bảo tốt các hoạt động của nhà trường như: thư ký hội đồng, nhân viên văn thư [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Đội ngũ nhân viên được phân công công việc phù hợp với năng lực công tác; nhân viên thư viện-thiết bị có trình độ chuyên môn theo đúng vị trí việc làm; đội ngũ nhân viên tích cực học tập, tham gia các chuyên đề, các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc được phân công [H1-1.8-01]; [H2-2.3-03].

c) Nhân viên đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao, trong đó 75% nhân viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tuy nhiên, nhân viên bảo vệ còn hạn chế về năng lực, chưa chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công [H2-2.3-04].

Mức 2:

a) Số lượng nhân viên kế toán, công nghệ thông tin, thư viện-thiết bị, phụ trách y tế theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT là 05 người [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Trong những năm qua, trường không có trường hợp nhân viên bị xử lý kỉ luật [H1-1.1-03]; [H1-1.3-06].

Mức 3:

a) Cán bộ quản lý trường luôn chú ý đến trình độ đáp ứng vị trí; tuy nhiên, trình độ của nhân viên bảo vệ chưa đáp ứng theo yêu cầu vị trí việc làm [H2-2.2-03]; [H2-2.3-03].

b) Nhà trường chú ý đến việc tạo điều kiện thời gian, kinh phí để nhân viên tham gia các khóa tập huấn, lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc và vị trí việc làm [H1-1.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc.

75% nhân viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

## **3. Điểm yếu**

Nhân viên bảo vệ còn hạn chế về năng lực, chưa chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Số lượng nhân viên chưa đảm bảo theo quy định.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, trường tạo điều kiện để nhân viên bảo vệ tham gia các khóa tập huấn nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc và vị trí việc làm. Hiệu trưởng tham mưu, đề xuất với lãnh đạo cấp trên để bổ sung nhân sự đảm bảo số lượng theo yêu cầu.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh***

*Mức 1:*

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

*Mức 3:*

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2020-2021, trường có 1807 học sinh; học sinh của trường đảm bảo độ tuổi đúng quy định Điều 40 của Điều lệ trường tiểu học (từ 6 đến 14 tuổi và tính theo năm); tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; không có học sinh học sớm tuổi [H1-1.5-02]; [H2-2.4-01].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm tốt, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của học sinh theo quy định; nghiêm túc thực hiện nội quy của nhà trường và không thực hiện những hành vi không được làm; 95 % học sinh có năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác [H2-2.4-02].

c) Trường đảm bảo các quyền lợi của học sinh theo Điều lệ trường tiểu học như được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng,...ngoài ra, trường quan tâm việc tổ chức các hoạt động để học sinh tham gia rèn luyện, trao các học bổng cho học sinh và thực hiện các chế độ chính sách theo quy định [H1-1.1-03].

Mức 2:

Trường đề ra các biện pháp nhằm phát hiện kịp thời các hành vi học sinh không được làm: thành lập đội sao đỏ, đôi bạn cùng tiến, câu lạc bộ đội nhóm từ đó kịp thời giáo dục học sinh [H1-1.1-03]; [H2-2.4-02].

Mức 3:

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2021-2022, tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99%, học sinh lớp 5 hoàn thành chương

trình tiểu học đạt 100% và đạt nhiều thành tích trong các hội thi cấp trường, cấp huyện [H1-1.1-03].

## **2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt quy định về độ tuổi đi học của học sinh và đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho học sinh theo đúng quy định. Đồng thời, trường có những biện pháp kịp thời phát hiện các hành vi học sinh không được làm, công tác nêu gương và tổ chức các hoạt động cho học sinh tham gia, rèn luyện.

Học sinh của trường có ý thức trách nhiệm tốt, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định và không thực hiện các hành vi không được làm.

## **3. Điểm yếu**

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa đạt 100%.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong các buổi họp tổ chuyên môn, phó hiệu trưởng cùng với giáo viên thảo luận, bàn bạc tìm ra giải pháp tốt nhất trong công tác chủ nhiệm; hướng dẫn học sinh tinh thần trách nhiệm với bản thân và tập thể, phát huy vai trò của học sinh trong học tập, rèn tính tự lập; giáo viên chủ nhiệm phải hướng tới rèn kỹ năng tự phục vụ, tự quản cho học sinh.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

#### **- Điểm mạnh nổi bật:**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đảm bảo yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị theo quy định; đáp ứng tốt cho việc thực hiện nhiệm vụ và luôn nhận được sự tin nhiệm cao từ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; đội ngũ nhân viên có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc.

Trường thực hiện tốt quy định về độ tuổi đi học của học sinh và đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho học sinh theo đúng quy định. Học sinh của trường

có ý thức trách nhiệm tốt, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định và không thực hiện các hành vi không được làm.

**- Điểm yếu cơ bản**

Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng còn hạn chế.

Giáo viên dạy nhiều môn được phân công giảng dạy môn Mỹ thuật nên chất lượng giảng dạy môn học trên chưa đạt hiệu quả cao.

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa đạt 100%.

**- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4**

**- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4**

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:** Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố rất cần thiết trong nhà trường hiện nay, là một trong những điều kiện giúp nhà trường phát triển về mọi mặt. Trường tiểu học Võ Văn Thặng, huyện Hóc Môn đáp ứng được các yêu cầu của giáo dục về khuôn viên nhà trường, phòng học, thiết bị giáo dục,...và cả môi trường. Trường có hệ thống nước sạch phục vụ tốt cho các hoạt động trong nhà trường. Cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo cho việc thực hiện các hoạt động giáo dục toàn diện.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách cho giáo viên - học sinh, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh; thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định đối với thư viện. Trang thiết bị phục vụ cho tốt cho các hoạt động quản lý và giảng dạy, hầu hết cán bộ - giáo viên - nhân viên có ý thức trong việc sử dụng và bảo quản.

***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập***

*Mức 1:*

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

*Mức 2:*

- a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;
- b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

*Mức 3:*

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khuôn viên trường có nhiều cây xanh tạo môi trường sư phạm sạch đẹp, thoáng mát và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có xây tường rào, cổng trường đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Điều lệ trường tiểu học [H3-3.1-02].

c) Sân chơi cũng là sân tập thể dục cho học sinh có tổng diện tích là 4056 m<sup>2</sup>, chiếm tỷ lệ 37,50 % diện tích khuôn viên trường. [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Trường có khuôn viên riêng biệt với diện tích 10815 m<sup>2</sup>. Tổng số học sinh là 1790 em, diện tích bình quân 6.04 m<sup>2</sup>/1HS, chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Trường có cây xanh bóng mát, sạch, đẹp. Nhà trường luôn quan tâm đến việc chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh và các cây xanh được bố trí trước phòng học tạo nên vẻ xanh, sạch, đẹp, thoáng mát ở mỗi lớp [H1-1.6-13]; [H3-3.1-03].

b) Trường có sân chơi, bãi tập để học sinh luyện tập thể dục thể thao và vui chơi [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường chú ý đến chất lượng sân tập, sân chơi để đảm bảo vấn đề an toàn cho học sinh. Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây xanh nhưng chưa có đồ chơi và thiết bị vận động [H1-1.6-07]; [H3-3.1-01].

## **2. Điểm mạnh**

Khuôn viên trường được bảo vệ bằng tường xây cao, có cổng và biển tên trường rõ ràng, an toàn, thẩm mỹ và đáp ứng theo quy định.

Trường quan tâm đến việc đảm bảo khuôn viên đẹp, gọn gàng, đảm bảo an toàn cho học sinh luyện tập, vui chơi.

### **3. Điểm yếu**

Diện tích bình quân cho mỗi học sinh chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Diện tích sân chơi chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Sân chơi, sân tập còn thiếu đồ chơi, thiết bị vận động.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện kế hoạch phối hợp với Ủy ban nhân dân và Công an xã Nhị Bình duy trì an ninh trật tự, cảnh quan trường. Khảo sát, lập kế hoạch cải tạo khuôn viên, trang bị thiết bị cho sân chơi, sân tập.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

#### ***Tiêu chí 3.2: Phòng học***

##### ***Mức 1:***

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

##### ***Mức 2:***

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

##### ***Mức 3:***

*Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 46 phòng học, mỗi phòng học có diện tích  $56\text{m}^2$  đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh, đảm bảo mỗi lớp một phòng học riêng [H3-3.1-03].

b) Trường trang bị đầy đủ bàn ghế đúng chuẩn cho 100% học sinh. Bàn được thiết kế có chỗ đựng đồ dùng học tập, ghế tựa phù hợp với lứa tuổi học sinh [H3-3.1-04]. Trường chỉ có học sinh khuyết tật về trí tuệ nên chưa trang bị bàn ghế dành riêng cho học sinh khuyết tật vận động.

c) Trong mỗi phòng học, trường đều trang bị đầy đủ các thiết bị như hệ thống đèn quạt, có tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học. Ngoài ra, trường còn trang trí ảnh Bác, bảng 05 điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, bảng trích thư Bác Hồ gửi học sinh, bản đồ Việt Nam, góc sản phẩm, góc thư viện cho mỗi phòng học [H1-1.6-07]; [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Diện tích các phòng học đồng đều là  $56\text{ m}^2$ , chưa đảm bảo tỷ lệ diện tích bình quân cho mỗi học sinh ( $1.19\text{ m}^2/\text{học sinh}$ ) [H3-3.2-02].

b) Mỗi lớp học được trang bị 01 tủ đựng thiết bị dạy học nhằm bảo quản thiết bị dạy học cho giáo viên và học sinh [H1-1.6-07].

c) Mỗi phòng học trang bị đầy đủ bàn đôi, ghế đơn bằng gỗ màu nâu với kết cấu và kiểu dáng đúng kích thước theo quy định [H3-3.1-04].

Mức 3:

Ngoài việc đảm bảo đủ số phòng học cho mỗi lớp, nhà trường còn bố trí phòng dạy âm nhạc, tin học, ngoại ngữ, giáo dục thể chất nhưng chưa có phòng giảng dạy môn khoa học, mỹ thuật [H3-3.1-03].

### **2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo cơ sở vật chất về phòng học, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy theo quy định Thông tư Liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT. Trường đảm bảo phòng học riêng cho mỗi lớp.

### **3. Điểm yếu**

Trường chưa có phòng giảng dạy môn khoa học và mỹ thuật.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng tích cực tham mưu các cấp lãnh đạo, xin kinh phí xây dựng thêm phòng chức năng, phục vụ giảng dạy môn Khoa học và Mỹ thuật.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị***

*Mức 1:*

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

*Mức 2:*

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

*Mức 3:*

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có phòng âm nhạc, phòng tin học, phòng thiết bị giáo dục với diện tích mỗi phòng 49 m<sup>2</sup>; diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội 130 m<sup>2</sup> [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01]. Trường chưa có phòng chức năng riêng để phục vụ cho việc giảng dạy môn khoa học và mỹ thuật.

b) Trường có khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo quy định bao gồm: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, phòng nghỉ cho giáo viên, phòng hành chính, phòng y tế học đường, phòng hội trường và phòng bảo vệ [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

c) Trường có nhà để xe cho giáo viên, nhân viên. Nhà để xe được bố trí ở khu vực hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Trường có nhà để xe học sinh được đặt ở vị trí phù hợp [H3-3.1-03].

#### Mức 2:

a) Diện tích văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng bảo vệ và phòng y tế đảm bảo theo quy định của Tiêu chuẩn Quốc gia 8793:2011; khu bếp, nhà ăn đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

b) Trường trang bị đầy đủ tủ và kệ để lưu trữ hồ sơ, tài liệu, các văn bản [H3-3.2-01].

#### Mức 3:

Hiệu trưởng trường chú ý đến việc sắp xếp các phòng làm việc hợp lý, khoa học. Đồng thời, các phòng học được trang bị, sắp xếp hợp lý, khoa học các trang thiết bị nhằm đáp ứng tốt các công tác tại trường [H3-3.2-01]. Tuy nhiên, trường chưa có phòng chức năng riêng để phục vụ cho việc giảng dạy môn khoa học và mỹ thuật.

### **2. Điểm mạnh**

Khối phòng hành chính được bố trí hợp lý, khoa học và trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

### **3. Điểm yếu**

Diện tích nhà ăn chưa đáp ứng số lượng học sinh tham gia bán trú tại trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong thời gian tới, hiệu trưởng tham mưu các cấp lãnh đạo, có kế hoạch mở rộng diện tích nhà bếp, nhà ăn đáp ứng việc phục vụ học sinh bán trú của trường.

**5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

***Mức 1:***

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

***Mức 2:***

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Trường có khu vệ sinh riêng cho học sinh nam, học sinh nữ và nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên; đảm bảo không ô nhiễm môi trường, luôn sạch sẽ và thuận lợi cho học sinh và học sinh khuyết tật học hòa nhập khi sử dụng [H3-3.4-01].

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường sử dụng hệ thống nước máy do Công ty Cấp nước Thành phố Trung An cung cấp; đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ nhu cầu sử dụng hàng ngày; đảm bảo an toàn vệ sinh. Trường sử dụng máy lọc nước đảm bảo các yêu cầu cao về vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-03].

c) Công tác thu gom và xử lý rác, chất thải; có bố trí địa điểm tập kết rác nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường. Rác thải được thu gom hằng ngày theo giờ cố định [H3-3.4-03]. Tuy nhiên, địa điểm tập kết rác còn nhỏ và còn tình trạng bị tạt nước khi có mưa lớn.

Mức 2:

a) Nhà trường có 07 khu vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (diện tích khu nam  $38,4\text{m}^2$ ; khu nữ  $33,6\text{m}^2$ ), có 21 khu vệ sinh học sinh (diện tích khu nam  $259,4\text{m}^2$ ; khu nữ  $279,14\text{m}^2$ ). Các nhà vệ sinh được đặt tại vị trí thuận tiện, luôn sạch sẽ, thoáng mát; có đầy đủ xà bông, nước sạch cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sử dụng. Khu nhà vệ sinh học sinh được trang trí đẹp, có vẽ tranh tường, mỗi phòng đều có nhạc, bảng nội quy, mang tính giáo dục cao [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

b) Trường sử dụng hệ thống nước thủy cục nhằm đảm bảo vệ sinh, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Trường quan tâm đến việc đáp ứng các quy định của hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải, trang bị đầy đủ và bố trí thùng rác ở vị trí thuận tiện [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

## **2. Điểm mạnh**

Khu vực vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện đảm bảo vệ sinh, an toàn.

Diện tích khu vực vệ sinh đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

## **3. Điểm yếu**

Địa điểm của trường tập kết rác còn nhỏ và còn tình trạng bị tạt nước khi có mưa lớn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2022-2023, Hiệu trưởng tiến hành dựng nhà để rác tập kết rác để tránh tình trạng bị tạt nước khi có mưa lớn.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

*Mức 1:*

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đủ các thiết bị văn phòng: bàn, ghế, tủ đựng hồ sơ và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của trường [H3-3.5-01].

b) Trường có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu: bảng, hệ thống tranh ảnh một số môn học, bảng tương tác, máy chiếu,...đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định cho việc giảng dạy và học tập đảm bảo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ đồ dùng dạy học được đưa lên từng lớp học cho giáo viên sử dụng [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Đồ dùng, thiết bị dạy học được nhân viên thiết bị thực hiện kiểm kê định kỳ để làm cơ sở đề xuất mua sắm, sửa chữa [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được nhà trường kết nối mạng internet nhằm phục vụ cho hoạt động giảng dạy và làm việc [H3-3.5-01].

b) Trường trang bị các thiết bị dạy học theo danh mục quy định, đảm bảo mỗi lớp có đủ một bộ đồ dùng dạy học tối thiểu [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Từ việc kiểm kê, nhân viên thiết bị thực hiện đánh giá tình trạng sử dụng của các thiết bị để xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung và trình cán bộ quản lý phê duyệt [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05]. Bên cạnh đó, nhà trường khuyến khích giáo viên tự làm và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng trong giảng dạy [H1-1.1-03]; [H1-1.4-04]; [H3-3.2-01]; [H3-3.5-03].

#### Mức 3:

Nhà trường thực hiện khai thác có hiệu quả thiết bị dạy học hiện có và thiết bị dạy học tự làm của giáo viên. Từ đó, đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong giảng dạy nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới trong công tác dạy học [H1-1.1-03]; [H1-1.4-04]. Tuy nhiên, thiết bị dạy học chưa phong phú về thể loại, chưa đáp ứng nhu cầu của nhiều giáo viên cùng một lúc.

### **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và đủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhân viên thiết bị thực hiện tốt việc kiểm kê, đánh giá tình trạng sử dụng của thiết bị, đồ dùng dạy học để làm cơ sở đề xuất mua sắm, sửa chữa.

### **3. Điểm yếu**

Số lượng thiết bị, đồ dùng dạy học chưa phong phú về loại, chưa đáp ứng nhu cầu của nhiều giáo viên cùng một lúc.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng huy động các nguồn lực từ Cha mẹ học sinh, các nguồn tài trợ để trang bị thêm thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường. Cán bộ thiết bị khảo sát, xây dựng kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị dạy học; xây dựng và tổ chức hội thi làm đồ dùng học tập.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

#### ***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

#### *Mức 1:*

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

*Mức 2:*

*Thư viện của trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

*Mức 3:*

*Thư viện của trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Thư viện trường được đặt ở nơi thuận tiện nhằm phục vụ học sinh, giáo viên và nhân viên. Phòng thư viện có diện tích là 83m<sup>2</sup>, có tủ sách đựng báo, sách giáo khoa, sách tham khảo, sách pháp luật, truyện thiếu nhi, bản đồ, tranh ảnh, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng vào việc tham khảo và nghiên cứu [H3-3.6-01]. Tuy nhiên, thư viện chưa có nhiều đầu sách phong phú phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và học sinh.

b) Thư viện có nội dung hoạt động phù hợp, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh và được công nhận là thư viện tiên tiến [H3-3.5-05]; [H3-3.6-02]; [H3-3.6-05]. Thư viện tổ chức nhiều hoạt động phong phú như giới thiệu sách, triển lãm trưng bày sách mới, thi kể chuyện theo sách; vận động học sinh đóng góp sách, truyện.

c) Nhân viên thư viện-thiết bị thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, kiểm kê thư viện để từ đó đề xuất việc bổ sung sách, báo, tạp chí,...nhằm phục vụ

cho nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và học sinh. Trên cơ sở đó, trường tiến hành cân đối kinh phí để thực hiện mua thêm sách báo, tư liệu giảng dạy, học tập cho giáo viên và học sinh [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện của trường có diện tích là 83m<sup>2</sup>. Trong 05 năm qua, thư viện của trường được công nhận là thư viện tiên tiến [H3-3.6-05].

Mức 3:

Trong những năm qua, thư viện của trường luôn đạt Thư viện trường học tiên tiến [H3-3.6-05]. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

## **2. Điểm mạnh**

Trường có thư viện và trang bị nhiều đầu sách báo phục vụ tối thiểu hoạt động dạy học, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện của trường có 05 năm đạt danh hiệu tiên tiến.

## **3. Điểm yếu**

Thư viện chưa có nhiều đầu sách phong phú phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và học sinh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Cán bộ phụ trách thư viện thường xuyên tham mưu, đề xuất trang bị thêm đầu sách, báo, tài liệu phục vụ nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Giới thiệu các tác phẩm hay đến cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

#### **- Điểm mạnh nổi bật:**

Trường quan tâm đến việc đảm bảo khuôn viên đẹp, gọn gàng, đảm bảo an toàn cho học sinh luyện tập, vui chơi.

Trường đảm bảo phòng học riêng cho mỗi lớp và cơ sở vật chất về phòng học, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy theo quy định Thông tư Liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT.

Khối phòng hành chính được bố trí hợp lí, khoa học và trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và đủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thư viện của trường đạt danh hiệu tiên tiến và xuất sắc.

**- Điểm yếu cơ bản**

Trường chưa có phòng chức năng riêng để phục vụ cho việc giảng dạy môn khoa học và kĩ thuật.

**- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6**

**- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6**

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:** Nhà trường, gia đình và xã hội là 3 yếu tố không thể tách rời. Mọi quan hệ này càng gắn bó mật thiết, càng chặt chẽ thì việc giáo dục học sinh càng đạt hiệu quả cao. Vì vậy, nhà trường đã chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

*Mức 1:*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

*Mức 3:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng***Mức 1:*

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và các lớp được bầu vào đầu năm học [H4-4.1-01].

Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong năm học. Trường luôn tạo mọi điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động [H4-4.1-01].

c) Các nội dung hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh được triển khai thực hiện đúng tiến độ. Cha mẹ học sinh nhiệt tình, luôn quan tâm đến các hoạt động của trường, phối hợp tốt với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm để tổ chức các hoạt động, đem lại nhiều hiệu quả, góp phần vào việc nâng cao chất lượng chung của nhà trường. Trường tổ chức tốt các buổi họp cha mẹ học sinh theo đúng quy định để cùng trao đổi với các cha mẹ học sinh về các vấn đề có liên quan [H1-1.1-02].

*Mức 2:*

Cùng với nhà trường nhằm giáo dục học sinh một cách toàn diện, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã thực hiện tốt vai trò phối hợp trong việc tổ chức một số hoạt động giáo dục cho học sinh, huy động, vận động học sinh tích cực học tập và vận động học sinh nghỉ học nhiều ngày trở lại lớp giúp cho trường không có học sinh bỏ học. Bên cạnh đó, Ban đại diện cha mẹ học sinh còn hỗ trợ nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, chính sách về giáo dục và pháp luật đến cha mẹ học sinh. Các hoạt động do

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung [H1-1.1-03]; [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh có phối hợp với nhà trường, chính quyền địa phương nhằm tạo môi trường sư phạm lành mạnh, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường. Tuy nhiên, do công việc mưu sinh nên một vài thành viên trong Ban đại diện các lớp chưa thường xuyên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

## **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt vai trò phối hợp với trường và các lực lượng giáo dục bên ngoài trường trong các công tác có liên quan đến nhiệm vụ giáo dục học sinh toàn diện, tạo môi trường sư phạm an toàn, lành mạnh.

## **3. Điểm yếu**

Do công việc mưu sinh nên một vài thành viên trong Ban đại diện các lớp chưa thường xuyên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục tổ chức tốt các buổi họp với cha mẹ học sinh, duy trì cơ chế phối hợp giữa nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương để làm tốt công tác tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

*Mức 2:*

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

*Mức 3:*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

*a) Công tác tham mưu, phối hợp với cấp ủy, chính quyền luôn được nhà trường chú trọng thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Cán bộ quản lý thực hiện tốt công tác tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình để thành lập Hội đồng giáo dục [H4-4.2-01]. Nhà trường thực hiện tốt chế độ báo cáo với lãnh đạo cấp trên về kết quả thực hiện nhiệm vụ, cũng như trao đổi về những nội dung triển khai Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình [H4-4.2-02].*

*b) Nhà trường thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Công an,... nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của chính quyền, các tổ chức đoàn thể trong công tác giáo dục tại địa phương. Các nội dung đã được nhà trường*

triển khai có sự phối hợp cùng chính quyền, tổ chức đoàn thể địa phương như giáo dục đạo đức học sinh, vận động học sinh nghỉ học ra lớp, tổ chức hoạt động sinh hoạt truyền thống, phối hợp với công an xã Nhị Bình đăng ký trường “An toàn về an ninh trật tự”, phối hợp với Ban chấp hành Đoàn xã tổ chức lễ hội trăng rằm và sinh hoạt hè cho các em thiếu nhi,... Sự phối hợp trên đã đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục học sinh tại trường, giúp cho chính quyền, các tổ chức đoàn thể địa phương nắm được mục tiêu, nội dung cũng như kế hoạch giáo dục của trường [H4-4.2-02].

Kế hoạch chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2021-2025 được niêm yết công khai tại trường. Đồng thời, kế hoạch này được trường gửi đến cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể của địa phương và Ban đại diện cha mẹ học sinh nắm thông tin, phối hợp thực hiện [H1-1.1-02].

Giáo viên chủ nhiệm thông tin nội dung kế hoạch năm học của trường, kế hoạch giảng dạy của giáo viên và các nội dung có liên quan đến công tác giáo dục học sinh đến toàn thể cha mẹ học sinh trong phiên họp đầu năm của lớp [H4-4.1-02].

c) Nhà trường huy động nguồn lực tự nguyện từ cha mẹ học sinh, các mạnh thường quân để xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục học sinh. Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực tự nguyện từ cha mẹ học sinh còn hạn chế do hoàn cảnh kinh tế của gia đình học sinh còn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, nhà trường có sự phối hợp với Chi hội Khuyến học của trường và xã Nhị Bình để chăm lo kịp thời học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

#### Mức 2:

a) Đề phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thực hiện thuận lợi, Cán bộ quản lý luôn chủ động trong việc xin ý kiến chỉ đạo từ cấp ủy Đảng, chính quyền và cơ quan lãnh đạo cấp trên. Điều này đảm bảo tính thống nhất, lãnh đạo xuyên suốt từ cấp trên [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.6-04]; [H4-4.2-02].

b) Nhằm mục đích giáo dục học sinh toàn diện, trường đã thực hiện công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục về truyền thống, lịch sử, văn hóa,... Nhiều hoạt động của trường tổ chức đã thu hút đông đảo giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia [H1-1.1-03].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền xã Nhị Bình nhưng sự phối hợp với các tổ chức, cá nhân chưa thật hiệu quả nên chưa xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt công tác tham mưu, phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương nhằm thực hiện các kế hoạch, nội dung trong công tác giáo dục học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Công tác huy động nguồn lực tự nguyện từ cha mẹ học sinh còn hạn chế do hoàn cảnh kinh tế của gia đình học sinh còn nhiều khó khăn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, nhà trường huy động có hiệu quả các nguồn lực để chăm lo tốt cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa nhà trường, các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 4**

#### **- Điểm mạnh nổi bật**

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được thành lập và hoạt động có hiệu quả, theo đúng quy định Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; cha mẹ học sinh nhiệt tình tham gia, quan tâm đến các hoạt động giáo dục của trường.

Trường thực hiện tốt công tác tham mưu, phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương nhằm thực hiện các kế hoạch, nội dung trong công tác giáo dục học sinh.

**- Điểm yếu cơ bản**

Công tác huy động nguồn lực tự nguyện từ cha mẹ học sinh còn hạn chế do hoàn cảnh kinh tế của gia đình học sinh còn nhiều khó khăn.

**- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2**

**- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2**

**5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu:** Để có được một kết quả giáo dục tốt, ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường phải thực hiện việc xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học, kế hoạch hoạt động chuyên môn một cách cụ thể. Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch là tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục. Đồng thời phải thực hiện tốt các hoạt động thăm lớp dự giờ, tổ chức các chuyên đề, thao giảng, xây dựng thời khóa biểu hợp lý và có hiệu quả, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh theo từng khối lớp.

Kết quả cuối mỗi năm học, 100% học sinh đều thực hiện đầy đủ năm nhiệm vụ của học sinh tiểu học. Học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học đạt 100%. Tỷ lệ học sinh giỏi tăng lên, tỷ lệ học sinh yếu giảm dần qua từng năm. Kết quả giáo dục của nhà trường chính là quá trình thể hiện sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ-giáo viên-nhân viên và kết quả rèn luyện, học tập của học sinh.

Ngoài chất lượng giáo dục, nhà trường còn quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất và giáo dục ý thức bảo vệ môi trường của học sinh. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được giáo viên chú trọng và thực hiện đúng quy định nhằm giáo dục kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

***Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường***

***Mức 1:***

*a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

*c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

*Mức 2:*

*a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông và các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H1-1.1-02]; [H5-5.1-01].

b) Kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo 95% giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch; ngoài giáo dục về văn hóa, trường chú trọng các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, thể dục tự chọn, âm nhạc nâng cao vào buổi học thứ hai trong ngày giúp học sinh có cơ hội để phát triển toàn diện bản thân [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-02].

*Mức 2:*

a) Trường thực hiện tốt công tác triển khai, phổ biến những thông tin, nội dung, văn bản, hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn để cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường nắm và thực hiện tốt [H1-1.1-03]; [H1-1.6-04].

b) Tất cả các nội dung quan trọng có liên quan như kế hoạch giáo dục, hoạt động chuyên môn, văn bản hướng dẫn,...đều được công khai và niêm yết tại phòng giáo viên để tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên có thể theo dõi. Ngoài ra, những nội dung có liên quan đến công tác giáo dục học sinh cũng được

thông tin đến cha mẹ học sinh biết để cùng nhà trường phối hợp thực hiện [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn thông tin kịp thời, công khai những nội dung có liên quan đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh được biết, phối hợp cùng thực hiện.

## **3. Điểm yếu**

Chưa đảm bảo 100% giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục duy trì việc thông tin, phổ biến những nội dung mới đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh; phân công nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc trong khi thực hiện nhiệm vụ để đạt 100% giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

**Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**  
*Mức 1:*

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện của trường;*

*c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

*Mức 2:*

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

*Mức 3:*

*Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo đúng quy định; đảm bảo mục tiêu dạy học và có thể hiện rõ trên thời khóa biểu năm học, kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần [H5-5.1-01]; [H5-5.2-01].

b) Giáo viên dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức và kỹ năng [H5-5.1-01]; [H5-5.2-01]. Trường tổ chức triển khai cho toàn thể giáo viên trực tiếp giảng dạy vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới để đáp ứng khả năng nhận thức và phát triển của học sinh [H1-1.4-12] .

c) Trường thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo nội dung của Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.5-01]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

a) Trong hoạt động giáo dục trường luôn nhắc nhở giáo viên quan tâm đến từng đối tượng học sinh, đánh giá học sinh một cách toàn diện. Từ đó, trường có thể đưa ra biện pháp giáo dục học sinh phù hợp và đạt kết quả tốt nhất [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Với mục đích giáo dục học sinh toàn diện, trường xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh có năng khiếu và học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Thời gian dành cho công tác bồi dưỡng và phụ đạo học sinh không nhiều. Phó hiệu trưởng chỉ đạo cho các tổ khối xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi; phối hợp cùng cha mẹ học sinh trong việc giáo dục con em [H5-5.2-03].

Mức 3:

Trên cơ sở kết quả đạt được, trường thực hiện việc đánh giá những mặt

đạt được, hạn chế còn tồn tại để từ đó đề ra các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Qua đó, trường luôn duy trì và nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn nhắc nhở giáo viên quan tâm đến từng đối tượng học sinh để đưa ra biện pháp giáo dục học sinh phù hợp và đạt kết quả tốt nhất.

## **3. Điểm yếu**

Thời gian dành cho công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện chưa nhiều.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Phó hiệu trưởng tiếp tục triển khai, phổ biến cho giáo viên nội dung, kế hoạch giáo dục; chú ý đến đối tượng học sinh yếu kém, có năng khiếu trong học tập. Xây dựng kế hoạch dự giờ, thăm lớp; tổ chức hội thi thiết kế bài giảng điện tử; phân công giáo viên tin học cùng các giáo viên trẻ giúp đỡ giáo viên lớn tuổi trong việc ứng dụng công nghệ thông tin giảng dạy.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác***

#### ***Mức 1:***

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;*
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

- c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

#### ***Mức 2:***

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

#### ***Mức 3:***

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

a) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục khác nhằm tạo điều kiện cho học sinh được phát triển toàn diện. Các kế hoạch giáo dục đều được lồng ghép việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, có chương trình và phân công cụ thể [H5-5.3-04].

b) Trường đã tổ chức các hoạt động phong phú với nhiều hình thức đa dạng và phù hợp với lứa tuổi học sinh như kỹ năng sống, âm nhạc nâng cao, hội khỏe Phù Đổng, giáo dục vệ sinh răng miệng, kể chuyện theo sách, văn nghệ, vẽ tranh, sinh hoạt ngoại khóa [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02]; [H5-5.3-05].

c) Các hoạt động giáo dục không thu phí đều thông báo rộng rãi và thu hút tất cả học sinh tham gia [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02]. Tuy nhiên một số hoạt động cần sự hỗ trợ kinh phí từ phụ huynh thì chỉ thu hút 50% số lượng học sinh đăng kí tham gia.

#### Mức 2:

Qua các hoạt động, học sinh được tạo cơ hội rèn luyện nhằm hình thành kỹ năng cho bản thân. Các hoạt động do trường tổ chức đem lại nhiều hiệu quả giúp học sinh mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp [H1-1.1-03]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-04].

#### Mức 3:

Trường thành lập các câu lạc bộ thu hút học sinh tham gia như câu lạc bộ điền kinh, võ thuật, bóng đá [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H5-5.3-04]. Từ đó, nhà trường giúp học sinh rèn luyện kỹ năng, hình thành kỹ xảo. Tuy nhiên, nội dung và hình thức các hoạt động khi tổ chức chưa thật chú ý 100% đến nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

### **2. Điểm mạnh**

Trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, giáo dục trải nghiệm ngoài giờ lên lớp.

### 3. Điểm yếu

Chưa đảm bảo 100% học sinh tham gia các hoạt động giáo dục.

Chưa thật chú ý 100% đến nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh khi tổ chức các hoạt động.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phó Hiệu trưởng xây dựng và thực hiện chương trình, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh tham gia, rèn luyện và chú ý hơn đến nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh. Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với cha mẹ học sinh để tạo điều kiện cho 100% học sinh của trường được tham gia các hoạt động giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động mạnh thường quân, các tổ chức xã hội tài trợ để 100% học sinh của trường được tham gia đầy đủ các hoạt động.

### 5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

#### ***Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học***

*Mức 1:*

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

*Mức 2:*

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

*Mức 3:*

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Trường đã xây dựng kế hoạch và phối hợp với địa phương thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học; tuyên truyền để cha mẹ đưa con ra lớp đúng độ tuổi [H5-5.4-01]. Qua việc phối hợp trên, trường đã nắm được cụ thể về số liệu, thông tin phổ cập giáo dục trên địa bàn để đưa ra biện pháp thực hiện

mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02].

b) Trường kết hợp với chính quyền địa phương trong việc huy động học sinh đúng độ tuổi đi học với tỷ lệ luôn đạt là 100% [H1-1.1-02]. Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thành lập Ban tuyển sinh theo từng năm học [H5-5.4-03].

c) Trường thực hiện quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng theo quy định nhưng chưa thật khoa học và đầy đủ theo từng năm vì giáo viên phụ trách công tác phổ cập thay đổi nhiều [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

#### Mức 2:

Trong những năm qua, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đạt trên 100% [H1-1.1-03]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

#### Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đảm bảo là 100% [H1-1.1-03]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

### **2. Điểm mạnh**

Trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 trên địa bàn luôn đảm bảo 100%.

### **3. Điểm yếu**

Việc lưu trữ hồ sơ phổ cập theo các năm chưa thật đầy đủ và khoa học.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp hiệu quả giữa cán bộ quản lý, chuyên trách giáo dục xã với hội khuyến học xã để tiếp tục thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Phó hiệu trưởng chỉ đạo cho nhân viên phụ trách công tác phổ cập thực hiện tốt việc lưu trữ hồ sơ phổ cập.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

#### ***Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục***

##### *Mức 1:*

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường có thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm. Các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn học sinh lưu ban trong từng năm học.

| Số liệu | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|---------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Lưu ban | 13                   | 16                   | 15                   | 28                   |                      |

- Tỷ lệ học sinh đánh giá hoàn thành trở lên luôn đạt trên 98% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]. Số liệu dưới mô tả số liệu học sinh hoàn thành chương trình lớp học của trường trong 5 năm học vừa qua.

| Số liệu                                                                               | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Học sinh<br>đánh giá<br>hoàn thành<br>chương<br>trình lớp<br>học/ tổng số<br>học sinh | 1085/1099            | 1224/1244            | 1489/1517            | 1616/1652            |                      |

b) Trong 05 năm qua, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của trường luôn đảm bảo là 100% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 2:

a) Từ bảng mô tả số liệu học sinh hoàn thành chương trình lớp học của trường trong 5 năm học vừa qua cho thấy: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua đạt trên 98% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo là 100% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua luôn đạt trên 98% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học chưa đảm bảo là 100% vì có học sinh lưu ban ở những năm học trước [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

## **2. Điểm mạnh**

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong trường được giữ vững, đáp ứng mục tiêu giáo dục hằng năm.

## **3. Điểm yếu**

Trong từng năm học trường còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Phó Hiệu trưởng thường xuyên dự giờ, thăm lớp, triển khai giáo viên thực hiện đầy đủ các nội dung chuyên môn, nhất là việc theo dõi giúp đỡ các học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

**5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 5**

##### **- Điểm mạnh nổi bật**

Kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp.

Trường xây dựng thời khoá biểu, tổ chức dạy học đúng, đủ theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với tình hình, đặc điểm của trường; thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh.

Trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức điều tra, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 trên địa bàn luôn đảm bảo 100%.

##### **- Điểm yếu cơ bản**

Trường còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

**- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5**

**- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5**

#### **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Thông qua việc kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Tiểu học Võ Văn Thặng xác định được điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình tổ chức, hoạt động, qua đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng cụ thể hơn về: công tác tổ chức quản lý nhà trường; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; công tác quản lý tài chính và cơ sở vật chất; sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà trường đã đạt được trong những năm qua, căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định

chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Hội đồng tự đánh giá Trường Tiểu học Võ Văn Thặng đạt kết quả như sau:

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 27/27 Tỷ lệ: 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 0/27 Tỷ lệ: 0%

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 22/27 Tỷ lệ: 81,48%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 05/27 Tỷ lệ: 18,52%

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 05/19 Tỷ lệ: 26,31%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 14/19 Tỷ lệ: 73,69%

- Mức đánh giá của Trường tiểu học Võ Văn Thặng: Mức 1;

- Trường tiểu học Võ Văn Thặng đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

- Các kết luận khác: Không có.

*Hóc Môn, ngày 1 tháng 10 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thị Kim Phụng**